

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày ... tháng ... năm 2021

(Dự thảo 2)

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển  
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức của Chính phủ và Luật Tổ  
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của  
Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân  
khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Thực hiện Công văn số...../HĐND-VP ngày.../.../2021 của Thường trực  
Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc....*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2021/NĐ-CP).

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, gồm:

a) Sử dụng khu vực biển làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyên tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải, các công trình phụ trợ khác để phục vụ lợi ích công cộng và các kết cấu hạ tầng hàng hải khác được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để phục vụ lợi ích công cộng.

b) Sử dụng khu vực biển được quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản.

c) Sử dụng khu vực biển cố định để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d) Sử dụng khu vực biển cho các khu bảo tồn biển, khu vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn đất ngập nước.

đ) Sử dụng khu vực biển để tìm kiếm, thăm dò dầu khí; sử dụng khu vực biển để khai thác dầu khí, vận chuyển tài nguyên dầu khí khai thác được trong các vùng biển của Việt Nam về bờ bằng đường ống theo hợp đồng chia sản phẩm dầu khí và quyết định của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các hoạt động sử dụng khu vực biển phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khai thác, vận chuyển dầu khí; sử dụng khu vực biển để lắp đặt giàn khai thác, làm cảng dầu khí, xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu khí, đường ống nội mỏ và các công trình phụ trợ trực tiếp khác).

e) Sử dụng khu vực biển để nhận chìm chất nạo vét của vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải và các công trình phụ trợ khác để phục vụ lợi ích công cộng và các kết cấu hạ tầng hàng hải khác được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để phục vụ lợi ích công cộng.

g) Sử dụng khu vực biển để xây dựng, lắp đặt, vận hành các công trình phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng.

h) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc miễn tiền sử dụng khu vực biển với các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trình.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển**

1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025 được quy định như sau:

<b>Nhóm</b>	<b>Mục đích sử dụng khu vực biển</b>	<b>Đơn giá</b>
1	Sử dụng khu vực biển để nhận chìm	17.500 đồng/m <sup>3</sup>
2	Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí,	7.000.000 đồng/ha/năm

	thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ	
3	Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lặn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển	6.750.000đồng/ha/năm
4	Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện	6.250.000đồng/ha/năm
5	Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá	5.750.000đồng/ha/năm
6	Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác	5.250.000đồng/ha/năm

2. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân được giao các khu vực biển ở trong cùng một vùng biển thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện đối với từng tổ chức, cá nhân tương ứng với từng khu vực biển được giao.

3. Trường hợp một tổ chức, cá nhân được giao các khu vực biển sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau ở trong cùng một vùng biển thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện đối với từng hoạt động sử dụng khu vực biển tương ứng đối với mỗi khu vực biển được giao trong vùng biển đó.

4. Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong số các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.

5. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 5.250.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.000.000 đồng/ha/năm.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm 2021 và thay thế Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Cù Lao Dung, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT.